

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét	5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	13 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn

Công ty mẹ

Công ty Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018225 ngày 02 tháng 07 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 08 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do bổ sung ngành nghề kinh doanh, đổi tên Công ty và tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

50.000.000.000 VND

Vốn pháp định

6.000.000.000 VND

Trụ sở chính:

Địa chỉ : 14 Đặng Thùy Trâm, xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại : 04.62690742

Fax : 04.62690741

E-mail : info@cmvietnam.vn

Mã số thuế : 0102307343

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, xây dựng công trình cửa như: Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống, Đập và đê, Xây dựng đường hầm, các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời.
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác và thu gom than non;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác và thu gom than bùn;
- Xây dựng công trình công ích;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;
- Cung ứng lao động tạm thời;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

- Kinh doanh bất động sản;
- Dịch vụ giới thiệu việc làm trong nước;

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	Số 14, Phố Đặng Thùy Trâm, Từ Liêm, Hà Nội	Số 0104075049 ngày 24 tháng 7 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp	100%
Công ty TNHH CM Xây dựng	Số 14, Phố Đặng Thùy Trâm, Từ Liêm, Hà Nội	Số 0105156759 ngày 21 tháng 2 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp	100%
Công ty Cổ phần CM Thành Đông	Phố Cộng Hòa, thị trấn Kinh Môn, huyện Kinh Môn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.	Số 0800932611 ngày 29 tháng 3 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp	69,67%

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 38).

Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 6 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Minh Phúc	Chủ tịch	05 tháng 7 năm 2007	
Ông Kim Ngọc Nhân	Phó Chủ tịch	05 tháng 7 năm 2007	
Ông Phạm Minh Hậu	Ủy viên	12 tháng 5 năm 2012	
Ông Nguyễn Đức Phong	Ủy viên	29 tháng 10 năm 2008	23 tháng 3 năm 2013
Ông Nguyễn Văn Phi	Ủy viên	31 tháng 3 năm 2011	
Ông Trần Văn Bách	Ủy viên	23 tháng 3 năm 2013	

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đặng Xuân Hiến	Trưởng ban	12 tháng 5 năm 2012	23 tháng 3 năm 2013
Ông Phạm Hồng Anh	Trưởng ban	23 tháng 3 năm 2013	
Bà Nguyễn Thị Loan	Ủy viên	23 tháng 3 năm 2013	
Bà Trương Thị Luyến	Ủy viên	12 tháng 5 năm 2012	

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Kim Ngọc Nhân	Tổng Giám đốc	09 tháng 4 năm 2008
Ông Dương Ngọc Trường	Phó Tổng Giám đốc	20 tháng 9 năm 2007
Ông Nguyễn Văn Phi	Phó Tổng Giám đốc	10 tháng 10 năm 2011
Ông Đào Tiến Dương	Phó Tổng Giám đốc	16 tháng 01 năm 2010

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhân lực và Dịch vụ Việt Nam tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Kim Ngọc Nhân

Ngày 26 tháng 8 năm 2013



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 1-3 Song Day St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 339/2013/BCTC-KTTV-KT2

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 Công ty Xây dựng và Nhân lực Việt Nam và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được lập ngày 26 tháng 08 năm 2013, từ trang 06 đến trang 38 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Xây dựng và Nhân lực Việt Nam. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của các công ty trong Tập đoàn và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Giám đốc



Nguyễn Hoàng Đức

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2013-008-1

Kiểm toán viên

Phạm Quang Huy

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1409-2013-008-1

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		143.619.446.592	172.306.480.589
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3.847.360.769	37.579.415.268
1. Tiền	111		3.847.360.769	37.579.415.268
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.500.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	1.500.000.000	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		49.871.539.098	74.020.650.898
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	12.711.488.036	44.401.849.405
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	959.719.739	868.841.690
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	36.481.681.323	29.031.309.803
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(281.350.000)	(281.350.000)
IV. Hàng tồn kho	140		73.889.638.340	49.185.709.323
1. Hàng tồn kho	141	V.7	73.889.638.340	49.185.709.323
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.510.908.385	11.520.705.100
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	3.194.531.196	799.361.392
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.855.007.665	6.359.275.009
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	8.461.369.524	4.362.068.699

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		47.357.496.984	48.245.913.709
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		15.483.337.687	15.015.263.655
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.10	15.483.337.687	15.015.263.655
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		30.861.852.378	33.016.650.054
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	19.714.078.719	22.117.344.715
<i>Nguyên giá</i>	222		35.939.297.339	34.538.138.778
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(16.225.218.620)	(12.420.794.063)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	10.265.266	16.161.103
<i>Nguyên giá</i>	228		38.000.000	49.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(27.734.734)	(32.838.897)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	11.137.508.393	10.883.144.236
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.012.306.919	214.000.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	64.542.429	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.15	947.764.490	214.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		190.976.943.576	220.552.394.298

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		129.375.876.164	149.960.686.325
I. Nợ ngắn hạn	310		125.527.863.812	143.824.654.304
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	30.656.960.888	74.438.416.854
2. Phải trả người bán	312	V.17	38.752.990.278	28.403.800.299
3. Người mua trả tiền trước	313	V.18	17.460.644.163	467.070.636
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	12.051.173.815	13.344.219.384
5. Phải trả người lao động	315		5.786.326.541	2.796.509.339
6. Chi phí phải trả	316	V.20	13.246.916.258	17.149.770.011
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.21	6.481.130.323	6.978.817.598
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.22	1.091.721.546	246.050.183
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3.848.012.352	6.136.032.021
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.23	681.466.600	3.422.168.087
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.24	3.166.545.752	2.713.863.934
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		58.963.084.308	67.956.751.169
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.25	58.963.084.308	67.956.751.169
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		877.646.070	877.646.070
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.689.928.190	844.256.827
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6.395.510.048	16.234.848.272
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỐ ĐỒNG THIỂU SỐ	439	V.26	2.637.983.104	2.634.956.804
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		190.976.943.576	220.552.394.298

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

498
 HI P
 CÔN
 H NH
 1 TOÁ
 A
 TAI
 3 Đ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		1.158.100.000	1.158.100.000
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:		-	-
Dollar Mỹ (USD)		41.556,66	21.196,30
Bath Thái (THB)		12.408,32	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

Đinh Thị Thủy

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy

Lập ngày 26 tháng 8 năm 2013



Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	83.161.725.494	131.741.421.568
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		83.161.725.494	131.741.421.568
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	66.197.868.580	101.220.669.047
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.963.856.914	30.520.752.521
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	202.604.778	122.742.115
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.553.900.458	4.777.162.563
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.460.276.900	5.002.614.763
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	3.913.766.261	370.666.514
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	7.474.903.489	6.945.882.550
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.223.891.484	18.549.783.009
11. Thu nhập khác	31	VI.7	701.136.561	368.568.966
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.072.544.116	333.757.067
13. Lợi nhuận khác	40		(371.407.555)	34.811.899
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.852.483.929	18.584.594.908
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		916.845.081	4.742.706.894
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>1.935.638.848</u>	<u>13.841.888.014</u>
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62	VI.9	1.935.638.848	13.841.888.014
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>387</u>	<u>2.905</u>

Lập ngày 26 tháng 8 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đinh Thị Thủy

Đinh Thị Thủy

Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.852.483.929	18.584.594.908
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	4.740.383.842	4.538.351.729
- Các khoản dự phòng	03	-	(796.207.000)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	82.263.478	(10.556.419)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(50.512.464)	-
- Chi phí lãi vay	06	2.460.276.900	5.002.614.763
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	10.084.895.685	27.318.797.981
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	24.447.384.365	(48.297.513.242)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(24.703.929.017)	(15.207.279.952)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	29.334.322.871	8.491.451.047
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(2.276.824.481)	368.475.549
- Tiền lãi vay đã trả	13	(6.732.906.629)	(4.603.615.875)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.161.652.158)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2.335.893.302	117.093.089
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(6.512.502.835)	(2.638.168.068)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	23.814.681.103	(34.450.759.471)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(2.768.473.918)	(6.751.126.938)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.932.095.937)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	432.095.937	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	50.512.464	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.217.961.454)	(6.751.126.938)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	25.000.000.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	66.423.555.765	117.078.857.804
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(109.752.329.913)	(93.603.376.147)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(10.000.000.000)	(10.233.162.684)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(53.328.774.148)	38.242.318.973
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(33.732.054.499)	(2.959.567.436)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	37.579.415.268	9.793.155.405
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(9.911.445)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 V.1	3.847.360.769	6.823.676.524

Người lập biểu

Đinh Thị Thủy

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy

Lập ngày 26 tháng 8 năm 2013

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ

: Công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

: Dịch vụ, thương mại,

3. Ngành nghề kinh doanh

: Xây dựng và cung ứng nhân lực..

4. Tổng số các công ty con

: 03

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất:

03

Số lượng các công ty con không được hợp nhất:

0

5. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 Tập đoàn có 277 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 196 nhân viên).

6. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	Số 14, Phố Đặng Thùy Trâm, Từ Liêm, Hà Nội	100%	100%
Công ty TNHH CM Xây dựng	Số 14, Phố Đặng Thùy Trâm, Từ Liêm, Hà Nội	100%	100%
Công ty Cổ phần CM Thành Đông	Phố Cộng Hòa, thị trấn Kinh Môn, huyện Kinh Môn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.	69,67%	69,67%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	4 - 6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3
Tài sản cố định khác	3

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn là Phần mềm máy tính. Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

12. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

14. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn là vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông công ty mẹ.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là chi phí thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2012 : 20.835 VND/USD

30/06/2013 : 21.137 VND/USD

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

19. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm: các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

20. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn là các khoản nợ phải trả tài chính khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được ghi nhận theo giá hợp lý.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	565.624.607	102.227.177
Tiền gửi ngân hàng	3.281.736.162	37.477.188.091
Cộng	3.847.360.769	37.579.415.268

2. Đầu tư ngắn hạn

Là khoản cho Ông Nguyễn Văn Phi vay với lãi suất bằng lãi suất vay ngắn hạn của ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh Hoàng Quốc Việt.

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu khách hàng tại:</i>		
Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam	9.050.471.479	40.692.518.367
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	3.661.016.557	3.701.260.485
Công ty TNHH CM Xây dựng	-	8.070.553
Cộng	12.711.488.036	44.401.849.405

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước người bán tại:</i>		
Công ty Cổ phần Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ	617.056.735	661.580.574
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	192.663.004	139.641.856
Công ty Cổ phần CMS Thăng Long	-	17.619.260
Công ty Cổ phần CMS Thành Đông	150.000.000	50.000.000
Cộng	959.719.739	868.841.690

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cho vay không tính lãi	25.106.203.312	24.777.594.229
Doanh thu chưa xuất hóa đơn	9.330.012.272	4.230.513.605
Phải thu khác	2.045.465.739	23.201.969
Cộng	36.481.681.323	29.031.309.803

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán		
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	(100.000.000)	(100.000.000)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	(35.000.000)	(35.000.000)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	(146.350.000)	(146.350.000)
Cộng	(281.350.000)	(281.350.000)

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	162.439.946	37.215.000
Nguyên liệu, vật liệu	10.550.067.544	4.110.439.395
Công cụ, dụng cụ	904.572.866	1.479.717.320
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	62.138.679.350	40.687.308.906
Hàng hóa	133.878.634	2.871.028.702
Cộng	73.889.638.340	49.185.709.323

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	1.742.933.375	670.720.527
Chi phí bảo hiểm	77.532.347	14.433.182
Phí bảo lãnh	484.223.518	46.661.933
Chi phí vận chuyển	280.204.545	-
Chi phí lắp đặt	83.146.271	-
Chi phí sửa chữa	78.086.093	23.400.000
Chi phí phần mềm kế toán	17.700.000	10.325.000
Chi phí thuê văn phòng, sân đỗ	-	33.820.750
Chi phí dịch vụ khác	430.705.047	-
Cộng	3.194.531.196	799.361.392

9. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	6.237.897.903	3.668.044.760
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.137.667.495	694.023.939
Tài sản thiếu chờ xử lý	85.804.126	-
Cộng	8.461.369.524	4.362.068.699

10. Phải thu dài hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu hầm	1.482.333.997	1.482.333.997
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Bạc	14.001.003.690	13.532.929.658
Cộng	15.483.337.687	15.015.263.655

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	21.885.977.037	10.544.448.061	802.776.698	1.304.936.982	34.538.138.778
Tăng trong kỳ	1.998.691.579	438.600.000	76.818.182	-	2.514.109.761
Giảm trong kỳ	(509.954.546)	(12.000.000)	(590.996.654)	-	(1.112.951.200)
Số cuối kỳ	23.374.714.070	10.971.048.061	288.598.226	1.304.936.982	35.939.297.339
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	95.984.380	-	228.916.757	-	324.901.137
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	7.384.813.120	3.932.506.549	700.362.002	403.112.392	12.420.794.063
Tăng trong kỳ	3.266.160.009	1.200.868.756	48.128.685	219.330.555	4.734.488.005
Giảm trong kỳ	(402.987.665)	(10.516.654)	(516.559.129)	-	(930.063.448)
Số cuối kỳ	10.247.985.464	5.122.858.651	231.931.558	622.442.947	16.225.218.620
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	14.501.163.917	6.611.941.512	102.414.696	901.824.590	22.117.344.715
Số cuối kỳ	13.126.728.606	5.848.189.410	56.666.668	682.494.035	19.714.078.719

Tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 4.843.159.838 VND và 2.949.910.832 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Quốc Việt theo Hợp đồng tín dụng số 1450LAV-201300777 tháng 6 năm 2013 và khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - chi nhánh Long Biên theo Hợp đồng tín dụng số 1220 LAV 201100571 ngày 28 tháng 10 năm 2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính. Chi tiết số phát sinh như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	49.000.000	32.838.897	16.161.103
Tăng trong kỳ	-	5.895.837	(5.895.837)
Giảm trong kỳ	(11.000.000)	(11.000.000)	-
Số cuối kỳ	38.000.000	27.734.734	10.265.266

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào tài sản cố định trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	1.426.535.768	1.490.909.091	(1.490.909.091)	1.426.535.768
- Thiết kế website	11.000.000	-	-	11.000.000
- Mua sắm máy móc thiết bị	1.205.147.500	1.490.909.091	(1.490.909.091)	1.205.147.500
Chi phí xây dựng thương hiệu	210.388.268	-	-	210.388.268
XDCB dở dang	9.456.608.468	254.364.157	-	9.710.972.625
- Dự án trung tâm thương mại văn hóa Kiến Thụy-Hải Phòng	151.991.616	-	-	151.991.616
- Công trình Trung tâm thương mại Kinh Môn	9.304.616.852	254.364.157	-	9.558.981.009
Cộng	10.883.144.236	1.745.273.248	(1.490.909.091)	11.137.508.393

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí công cụ dụng cụ	-	48.838.266	(2.295.837)	46.542.429
Chi phí thuê Hosting (máy chủ)	-	18.000.000	-	18.000.000
Cộng	-	66.838.266	(2.295.837)	64.542.429

15. Tài sản dài hạn khác

Là các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

16. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	24.982.779.000	70.974.052.810
Ngân hàng NN và PTNT chi nhánh Hoàng Quốc Việt	24.982.779.000	29.986.780.215
Ngân hàng NN và PTNT chi nhánh Long Biên	-	40.987.272.595
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	4.600.000.000	350.000.000
Bà Đinh Thị Thủy	-	350.000.000
Bà Phạm Thị Hiếu	1.400.000.000	-
Ông Nguyễn Hữu Mạnh	1.400.000.000	-
Ông Phạm Minh Hậu	1.800.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả	1.074.181.888	3.114.364.044
Cộng	30.656.960.888	74.438.416.854

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	70.974.052.810	48.272.779.000	(94.264.052.810)	24.982.779.000
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	350.000.000	17.132.594.947	(12.882.594.947)	4.600.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	3.114.364.044	-	(2.040.182.156)	1.074.181.888
Cộng	74.438.416.854	65.405.373.947	(109.186.829.913)	30.656.960.888

17. Phải trả cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả người bán tại:</i>		
Công ty Cổ phần Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ	29.504.167.255	16.006.491.274
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	7.962.555.784	5.987.867.035
Công ty Cổ phần CMS Thăng Long	1.141.092.039	6.409.441.990
Công ty Cổ phần CMS Thành Đông	145.175.200	-
Cộng	38.752.990.278	28.403.800.299

18. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ Phần Thủy điện Sông Bạc	196.863.669	467.070.636
Công ty TNHH MTV than Khe Châm – Vinacomin	12.563.780.494	-
Ban Quản lý đầu tư, và xây dựng thủy lợi 4	4.700.000.000	-
Cộng	17.460.644.163	467.070.636

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	513.987.919	954.652.430	(1.338.114.844)	130.525.505
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	22.488.468	58.092.876	(80.581.344)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	10.255.609.930	913.453.127	(2.161.652.158)	9.007.410.899
Thuế thu nhập cá nhân	2.515.207.790	708.114.610	(499.707.700)	2.723.614.700
Các loại thuế khác	36.925.277	217.731.365	(65.033.931)	189.622.711
Cộng	13.344.219.384	2.852.044.408	(4.145.089.977)	12.051.173.815

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

(*) Số phải nộp trong kỳ bao gồm:

Chi phí thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2013	916.845.081
Giảm khác	(3.391.954)
Cộng	913.453.127

00
ANH
TY
HỮU
HÀ TU
C
NỘ
TP

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.852.483.929	18.584.594.908
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	814.896.394	386.232.667
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản phải thu	814.896.394	386.232.667
Chi phí khấu hao vượt mức quy định	-	22.344.636
Phạt chậm nộp tiền thuế	228.278.956	363.888.031
Các khoản chi phí không hợp lý hợp lệ khác	475.558.868	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	111.058.570	-
Thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	3.667.380.323	18.970.827.575
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	25%	25%
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	916.845.081	4.742.706.894
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
	916.845.081	4.742.706.894

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được kê khai và nộp theo qui định.

20. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả về sản lượng xây lắp hoàn thành	9.229.802.835	-
Chi phí vật tư	313.231.663	9.709.371.863
Chi phí lãi vay phải trả	558.895.150	4.831.524.879
Phí quản lý dự án	1.846.350.959	442.169.777
Chi phí vận chuyển	887.545.080	2.071.259.330
Chi phí phải trả khác	411.090.571	95.444.162
Cộng	13.246.916.258	17.149.770.011

21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản thừa chờ giải quyết	51.762.200	492.355.613
BHXX, BHYT, BHTN	1.265.720.399	2.286.778.907
Kinh phí công đoàn	368.553.740	450.187.985
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	741.500.000	-
Vay ngắn hạn cá nhân không tính lãi	1.678.281.791	1.815.989.886
Phải trả tiền vật tư nhập kho chưa xuất hóa đơn	709.886.245	-
Phải trả khác	1.665.425.948	1.933.505.207
Cộng	6.481.130.323	6.978.817.598

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	238.592.819	507.402.818	-	745.995.637
Quỹ phúc lợi	7.457.364	338.268.545	-	345.725.909
Cộng	246.050.183	845.671.363	-	1.091.721.546

23. Phải trả dài hạn khác

Là các khoản nhận ký quỹ ký cược dài hạn.

24. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng NN và PTNT chi nhánh Long Biên(i)	2.148.363.934	2.148.363.934
Ngân hàng NN và PTNT chi nhánh Hoàng Quốc Việt(ii)	1.018.181.818	-
Ngân hàng TMCP Á Châu	-	565.500.000
Cộng	3.166.545.752	2.713.863.934

- (i) Khoản vay Ngân hàng NN và PTNT chi nhánh Long Biên theo Hợp đồng tín dụng số 1220 LAV 201100571 ngày 28 tháng 10 năm 2011 với mục đích đầu tư máy móc thiết bị phục vụ thi công xây dựng, số tiền vay 6.016.049.178 VND, lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 19,5%/năm và sẽ thay đổi khi có thông báo. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng NN và PTNT chi nhánh Hoàng Quốc Việt theo Hợp đồng tín dụng số 1450LAV-201300777 tháng 6 năm 2013 với mục đích đầu tư mua máy cẩu Q50 phục vụ thi công xây dựng, số tiền vay 1.018.181.818 VND, lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 12%/năm và sẽ thay đổi khi có thông báo. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	1.074.181.888	3.114.364.044
Trên 1 năm đến 5 năm	3.166.545.752	2.713.863.934
Trên 5 năm	-	-
Tổng nợ	4.240.727.640	5.828.227.978

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	2.713.863.934	5.112.106.556
Số tiền vay phát sinh	1.018.181.818	-
Số tiền vay đã trả	(565.500.000)	-
Số cuối kỳ	3.166.545.752	5.112.106.556

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**25. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	25.000.000.000	877.646.070	752.819.791	11.058.073.484	37.688.539.345
Cổ đông góp vốn	25.000.000.000	-	-	-	25.000.000.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	16.913.427.258	16.913.427.258
Lợi nhuận tăng do mua lại	-	-	-	684.719.380	684.719.380
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	91.437.036	-	91.437.036
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	(11.845.350.000)	(11.845.350.000)
Giảm do thay đổi tỷ lệ vốn góp	-	-	-	(13.245.350)	(13.245.350)
Phụ cấp HĐQT	-	-	-	(562.776.500)	(562.776.500)
Số dư cuối năm trước	50.000.000.000	877.646.070	844.256.827	16.234.848.272	67.956.751.169
Số dư đầu năm nay	50.000.000.000	877.646.070	844.256.827	16.234.848.272	67.956.751.169
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	1.935.638.848	1.935.638.848
Trích lập các quỹ trong kỳ này	-	-	845.671.363	(1.691.342.726)	(845.671.363)
Chia cổ tức kỳ này	-	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Giảm do thay đổi tỷ lệ vốn góp	-	-	-	(3.026.300)	(3.026.300)
Tăng khác	-	-	-	3.391.954	3.391.954
Phụ cấp HĐQT	-	-	-	(84.000.000)	(84.000.000)
Số dư cuối kỳ	50.000.000.000	877.646.070	1.689.928.190	6.395.510.048	58.963.084.308

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	50.000.000.000	50.000.000.000

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**26. Lợi ích của cổ đông thiểu số**

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	2.634.956.804	981.085.454
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	3.026.300	5.924.645
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	1.440.626.000
Số cuối kỳ	2.637.983.104	2.427.636.099

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	83.161.725.494	131.741.421.568
- Doanh thu bán hàng hóa	26.107.244.746	8.362.317.172
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.515.283.406	5.467.175.273
- Doanh thu hoạt động xây dựng	53.539.197.342	117.911.929.123
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	83.161.725.494	131.741.421.568

2. Giá vốn hàng bán

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	20.506.648.425	5.902.294.116
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	818.608.660	874.009.236
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	44.872.611.495	94.444.365.695
Cộng	66.197.868.580	101.220.669.047

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	50.512.464	-
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	9.916.695	-
Lãi tiền cho vay	86.843.784	61.725.547
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	10.556.419
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	149
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	50.460.000
Chiết khấu thanh toán	55.331.835	-
Cộng	202.604.778	122.742.115

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	2.344.993.448	5.002.614.763
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	82.263.478	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.005.502	-
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	-	637.029.800
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn và dài hạn	-	(862.482.000)
Phạt chậm thanh toán	115.283.452	-
Chi phí tài chính khác	354.578	-
Cộng	2.553.900.458	4.777.162.563

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	-	69.839.490
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	177.043.805
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.551.660	121.055.946
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.911.214.601	2.727.273
Cộng	3.913.766.261	370.666.514

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.846.017.299	2.925.352.366
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	35.647.728	5.154.816
Chi phí đồ dùng văn phòng	222.226.809	240.079.635
Chi phí khấu hao tài sản cố định	591.388.043	768.477.494
Thuế, phí và lệ phí	284.828.329	193.388.128
Chi phí dự phòng	-	66.275.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.818.559.239	2.243.387.217
Chi phí bằng tiền khác	676.236.042	503.767.894
Cộng	7.474.903.489	6.945.882.550

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu từ sửa chữa máy móc thiết bị	107.445.182	-
Thu từ bán vật tư	396.387.487	287.276.135
Thu nhập khác	197.303.892	81.292.831
Cộng	701.136.561	368.568.966

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**8. Chi phí khác**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của TSCĐ không đủ điều kiện theo TT45	120.391.699	-
Bán CCDC	420.755.580	-
Phạt chậm nộp thuế	282.560.424	
Chi phí khác	248.836.413	333.757.067
Cộng	1.072.544.116	333.757.067

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.935.638.848	13.841.888.014
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.935.638.848	13.841.888.014
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.000.000	4.765.193
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	387	2.905

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	5.000.000	2.500.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại		
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 18 tháng 01 năm 2012	-	2.265.193
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.000.000	4.765.193

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Các giao dịch không bằng tiền**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tăng tài sản cố định hữu hình do hợp nhất kinh doanh		
Nguyên giá	-	1.193.362.664
Khấu hao	-	397.984.682
Cộng	-	1.591.347.346

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị (HĐQT)		
HĐQT bán cổ phiếu của Công ty Cổ phần CMS Nam Việt	-	5.030.000.000
Thanh toán tiền mua cổ phiếu	-	5.030.000.000
Cho thành viên HĐQT vay	1.500.000.000	582.366.156
Vay ngắn hạn của HĐQT	1.800.000.000	-
Trả nợ vay	-	3.200.000.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hội đồng quản trị	1.500.000.000	350.000.000
Cộng nợ phải thu	1.500.000.000	350.000.000
Hội đồng quản trị	1.800.000.000	100.000.000
Ban điều hành	-	167.122.818
Cộng nợ phải trả	1.800.000.000	267.122.818

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập	754.352.430	1.297.735.476

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây lắp: Xây dựng, lắp đặt công trình.
- Lĩnh vực thương mại: Bán vật tư, hàng hóa.
- Lĩnh vực dịch vụ: Cung cấp dịch vụ xuất khẩu lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực cung ứng dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh thương mại	Cộng
Kỳ này				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	53.539.197.342	3.515.283.406	26.107.244.746	83.161.725.494
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	53.539.197.342	3.515.283.406	26.107.244.746	83.161.725.494
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	8.666.585.847	2.696.674.746	5.600.596.321	16.963.856.914
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(11.388.669.750)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				5.575.187.164
Doanh thu hoạt động tài chính				202.604.778
Chi phí tài chính				(2.553.900.458)
Thu nhập khác				701.136.561
Chi phí khác				(1.072.544.116)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(916.845.081)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				1.935.638.848
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	(2.835.312.184)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	4.742.679.679
Kỳ trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	117.911.929.123	5.467.175.273	8.362.317.172	131.741.421.568
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	117.911.929.123	5.467.175.273	8.362.317.172	131.741.421.568

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực cung ứng dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh thương mại	Cộng
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	23.467.563.428	4.593.166.037	2.460.023.056	30.520.752.521
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(7.316.549.064)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				23.204.203.457
Doanh thu hoạt động tài chính				122.742.115
Chi phí tài chính				(4.777.162.563)
Thu nhập khác				368.568.966
Chi phí khác				(333.757.067)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(4.742.706.894)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				13.841.888.014
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				6.751.126.938
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				4.538.351.729

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực cung ứng dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh thương mại	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	77.622.017.037	-	133.878.634	77.755.895.671
Tài sản phân bổ cho bộ phận	49.579.921.464	3.255.324.768	15.940.318.391	68.775.564.623
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				44.445.483.282
Tổng tài sản				190.976.943.576
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	681.466.600	-	681.466.600
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	82.852.963.302	5.439.970.367	40.401.475.895	128.694.409.564
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả				129.375.876.164

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực cung ứng dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh thương mại	Cộng
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	55.702.572.561	2.871.028.702	-	58.573.601.263
Tài sản phân bổ cho bộ phận	103.065.239.941	10.577.968.019	10.756.169.807	124.399.377.767
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				37.579.415.268
Tổng tài sản				220.552.394.298
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	3.422.168.087	3.422.168.087
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	57.282.842.713	5.879.150.707	5.978.193.847	69.140.187.267
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				77.398.330.971
Tổng nợ phải trả				149.960.686.325

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.847.360.769	-	3.847.360.769
Phải thu khách hàng	27.798.475.723	396.350.000	28.194.825.723
Các khoản cho vay	1.500.000.000	-	1.500.000.000
Các khoản phải thu khác	39.652.917.434	-	39.652.917.434
Cộng	72.798.753.926	396.350.000	73.195.103.926

Số đầu năm

Tiền và các khoản tương đương tiền	37.579.415.268	-	37.579.415.268
Phải thu khách hàng	59.020.763.060	396.350.000	59.417.113.060
Các khoản cho vay	-	-	-
Các khoản phải thu khác	33.607.378.502	-	33.607.378.502
Cộng	130.207.556.830	396.350.000	130.603.906.830

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Số cuối năm			
Vay và nợ	30.656.960.888	3.166.545.752	33.823.506.640
Phải trả người bán	38.752.990.278	-	38.752.990.278
Các khoản phải trả khác	18.093.772.442	681.466.600	18.775.239.042
Cộng	87.503.723.608	3.848.012.352	91.351.735.960
Số đầu năm			
Vay và nợ	74.438.416.854	2.713.863.934	77.152.280.788
Phải trả người bán	28.403.800.299	-	28.403.800.299
Các khoản phải trả khác	21.391.620.717	3.422.168.087	24.813.788.804
Cộng	248.467.675.740	12.272.064.042	260.739.739.782

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

đáo hạn. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD, THB và RMT do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	USD	THB	RMT	USD	THB	RMT
Tiền và các khoản tương đương tiền	41.556,66	12.408,32	-	21.196,30	-	-
Phải thu khách hàng	8.791,84	2.338.237,54	179.663,95	9.682,17	-	-
Phải trả người bán	(704.407,50)	-	-	-	-	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(654.059,00)	2.350.645,86	179.663,95	30.878,47	-	-

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND, THB và RMT đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể do Tài sản thuần/(Nợ phải trả) thuần có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản cho vay	(33.823.506.640)	(77.152.280.788)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm kỳ này của Tập đoàn sẽ giảm/tăng (507.352.600) VND (năm trước giảm/tăng (1.157.284.212) VND).

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.847.360.769	-	37.579.415.268	-	3.847.360.769	37.579.415.268
Phải thu khách hàng	28.194.825.723	(281.350.000)	59.417.113.060	(281.350.000)	12.430.138.036	59.135.763.060
Các khoản cho vay	1.500.000.000	-	-	-	1.500.000.000	-
Các khoản phải thu khác	39.652.917.434	-	33.607.378.502	-	38.705.152.944	33.607.378.502
Cộng	73.195.103.926	(281.350.000)	130.603.906.830	(281.350.000)	56.482.651.749	130.322.556.830

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ	33.823.506.640	77.152.280.788	33.823.506.640	77.152.280.788
Phải trả người bán	38.752.990.278	28.403.800.299	38.752.990.278	28.403.800.299
Các khoản phải trả khác	18.775.239.042	24.813.788.804	18.775.239.042	24.813.788.804
Cộng	91.351.735.960	130.369.869.891	91.351.735.960	130.369.869.891

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Những thông tin khác

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ được lấy theo Bảng cân đối kế toán hợp nhất năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ được lấy theo Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

Lập, ngày 26 tháng 8 năm 2013

Người lập biểu

Đinh Thị Thủy

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân